

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-11-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Sơn.
2. Bà Lê Thị Bảy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:*
Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1 - Sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T2 - Sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt nguyên đơn (chị T1); vắng mặt bị đơn (anh T2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T2 tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 13/12/2005, tại UBND xã Hóa Quý, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 11/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay, tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 16/5/2009. Ly hôn, chị yêu

cầu Tòa án giao cháu H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H2 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân T2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T1 tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 13/12/2005, tại UBND xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh xét thấy tình trạng đời sống vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 16/5/2009. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu H1 và cháu H2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, chị T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Quang Trung, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T2 và chị Lê Thị T1 hiện nay cùng cư trú tại thôn Quang Trung, xã Bình Lương, huyện Như Xuân. Anh T2 và chị T1 đã đăng ký kết hôn với nhau vào 13/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 5 đến 6 năm nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh T2 và chị T1 chưa đề nghị thôn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng lần nào.

Về con chung: Anh T2 và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 16/5/2009. Anh T2, chị T1 đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, có sức khỏe để lao động, có T2 nhập bảo đảm việc nuôi con.

Nay chị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị với anh T2, thôn đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết yêu cầu ly hôn, cũng như yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn của chị T1 theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung: Do anh T2 và chị T1 không có yêu cầu nên thôn không có ý kiến gì.

Nguyện vọng của cháu H1 và cháu H2: Khi anh T2, chị T1 ly hôn, các cháu đều muốn được ở với mẹ (chị T1).

Tại phiên tòa, chị T1 vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Lê Thị T1: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Xuân T2: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt; tại phiên tòa, anh T2 tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Lê Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Xuân T2. Bị đơn là anh T2, cư trú tại thôn Quang Trung, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh T1 Hóa. Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Anh Nguyễn Xuân T2 là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Xuân T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2005 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T1 nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế, vợ chồng anh chị đang sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T2 không đến làm việc theo thông báo của Tòa án, chị T1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Như vậy, cả anh T2 và chị T1 đều không có thiện chí để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2 để ổn định cuộc sống. Xét thấy, việc yêu cầu Ly hôn của chị là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1, xử cho chị T1 được ly hôn anh T2.

[3] *Về con chung*: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 16/5/2009. Xét nguyện vọng của chị T1 và anh T2 về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với thực tế, cũng như tình cảm của người cha, người mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện nuôi con của các đương sự, đồng thời để bảo đảm quyền lợi, nghĩa vụ giữa các bên, Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao

cháu H2 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù đã xem xét đến nguyện vọng của các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 và anh T2 đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị T1, anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T1 là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Nguyễn Xuân T2.

Về con chung: Công nhận cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân H2, sinh ngày 16/5/2009 là các con chung của chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Xuân T2. Giao cháu H1 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H2 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị T1, anh T2 được quyền thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai T2 số: 0003561 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Chị T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Như Xuân;
- UBND xã Hóa Quý, H. Như Xuân;
- Chi cục THADS H. Như Xuân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh